SỞ Y TẾ HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HUYỆN CẨM XUYÊN

Số: 226 /QĐ-BVCX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cẩm Xuyên, ngày 28 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách bổ sung năm 2022 của Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Xuyên.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1655/QĐ-SYT ngày 26/12/2022 của Sở Y tế Hà Tĩnh về việc giao bổ sung dự toán ngân sách năm 2022;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng Bệnh viện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách năm 2022 của Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Xuyên *(theo biểu đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng tổ chức hành chính, Kế toán trưởng và các khoa phòng liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở Y tế;
- Như điều 3;
- Cổng thông tin điện tử BV;
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN CẨM XUYÊN

Phan Thanh Minh

Được quét bằng CamScanner

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Xuyên

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- BVCX ngày /12/2022 của Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Xuyên)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	Lệ phí	
	Lệ phí…	
	Lệ phí…	
2	Phí	
	Phí …	
	Phí …	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
1	***Chi sự nghiệp……..***	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	***Lệ phí***	
	Lệ phí…	
	Lệ phí…	
2	Phí	
	Phí …	
	Phí …	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	157.709.000
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	157.709.000
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Được quét bằng CamScanner

3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	157.709.000
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	157.709.000
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Được quét bằng CamScanner

UBND TỈNH HÀ TĨNH **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1655 /QĐ-SYT	*Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Quyết định số 1884/2008/QĐ-UBND ngày 08/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Y tế Hà Tĩnh;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 2547/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cấp kinh phí cho Sở Y tế;

Căn cứ Thông báo số 392/STC-NS ngày 20/12/2022 của Sở Tài chính về việc bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022 (Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 71/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp bổ sung dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022:

Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Xuyên

theo phụ lục dự toán đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 được cấp bổ sung, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được cấp đúng mục đích, đúng chế độ và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Kế toán trưởng, Thủ trưởng đơn vị và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 1;
- Sở Tài chính;
- KBNN huyện;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y - TẾ
TỈNH HÀ TĨNH

Nguyễn Minh Đức

Được quét bằng CamScanner

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Xuyên

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Tổng số
I. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
- Học phí	
-	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
- Học phí	
-	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	**157.709.000**
1. Chi quản lý hành chính	
1.1 Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2 Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2. Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình	***157.709.000***
2.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	157.709.000
Chương 423 - Loại 130 - Khoản 132	*157.709.000*
3. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Ghi chú: hỗ trợ kinh phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin 27.083.000,đ; hỗ trợ thêm ngoài lương 130.626.000đ

Được quét bằng CamScanner